TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26- 06 - 2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 03/2018/TB-TA ngày 07 tháng 06 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1979, có mặt;

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thu M, sinh năm 1986, vắng mặt;

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 4/8 khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Cùng địa chỉ: Số 532 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Thu M tự nguyện chung sống vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 08 năm 2006 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xúc phạm về lời ăn tiếng nói, không có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và tự sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 24-01-2007 và cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23-10-2009. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T tự nguyện không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành nhưng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa và theo nguyện vọng của hai con nên ông T đồng ý giao cả hai con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa, bị đơn bà Trần Thị Thu M trình bày:

Về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng bà M đồng ý với lời trình bày của ông T và không bổ sung gì thêm. Bà M xác định vợ chồng bà chỉ sống hạnh phúc đến năm 2014, sau đó thường xuyên bất hòa, bất đồng quan điểm sống nên hay tranh cãi xúc phạm nhau và sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T, bà M đồng ý ly hôn vì xét thấy tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 24-01-2007 và cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23-10-2009. Theo nguyện vọng của các con, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà M tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải nộp toàn bộ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có nơi cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị Thu M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà M tự nguyện chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định được UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30-08-2006. Qua thời gian chung sống giữa hai ông bà không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay tranh cãi xúc phạm nhau dẫn đến vợ chồng tự sống ly thân. Theo kết quả xác minh từ gia đình ông T khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T là có thật và xác nhận hiện nay vợ chồng ông T đã sống ly thân mỗi người có một cuộc sống độc lập. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có phân tích động viên ông T trở về đoàn tụ nhưng ông T không đồng ý và mong muốn được ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy yêu cầu của ông T xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 24-01-2007 và cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23-10-2009. Theo nguyện vọng của con chung và xét việc bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên công nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí sơ thẩm:* Do ông T là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M không phải chịu án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T đối với bà Trần Thị Thu M về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T được ly hôn với bà Trần Thị Thu M.

Về con chung: Bà Trần Thị Thu M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 24-01-2007 và cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23-10-2009 đến tuổi trưởng thành (đủ18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thu M về việc không yêu cầu ông Nguyễn Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Đức T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Thu M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Đức T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0001279 ngày 22 tháng 03 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, ông Nguyễn Đức T đã nộp xong án phí. Bà Trần Thị Thu M không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Thu M vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THA Dân sự TP Bà Rịa;
- UBND phường T, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Thị Yến Oanh